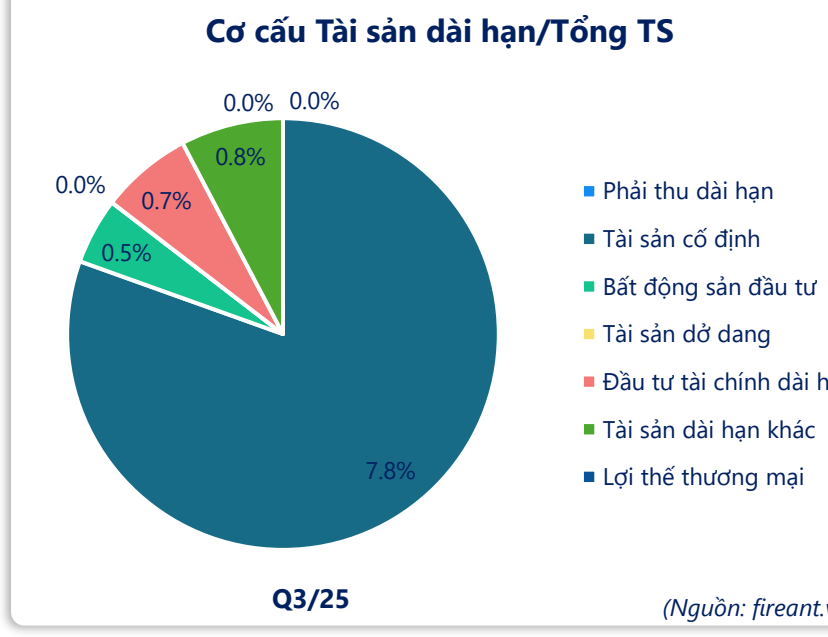
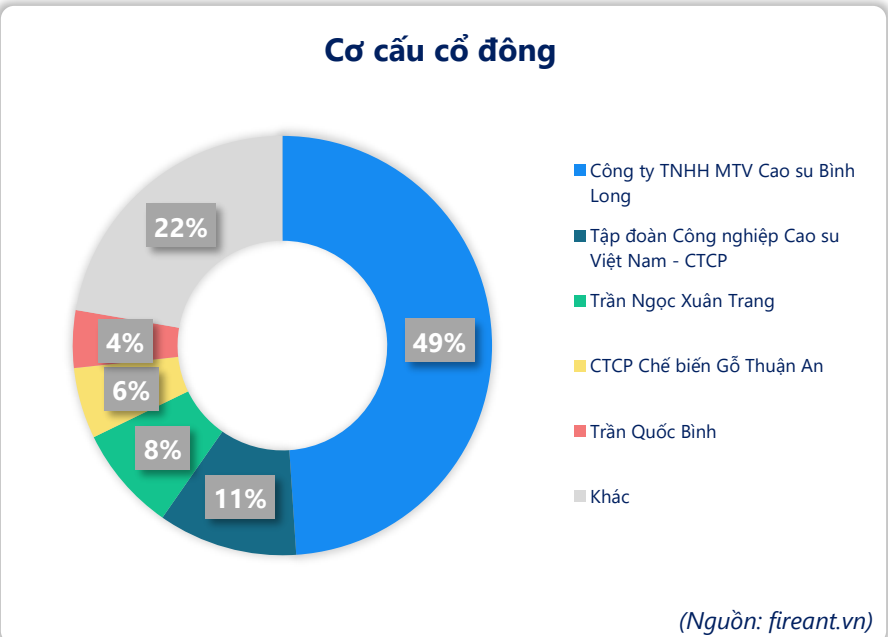
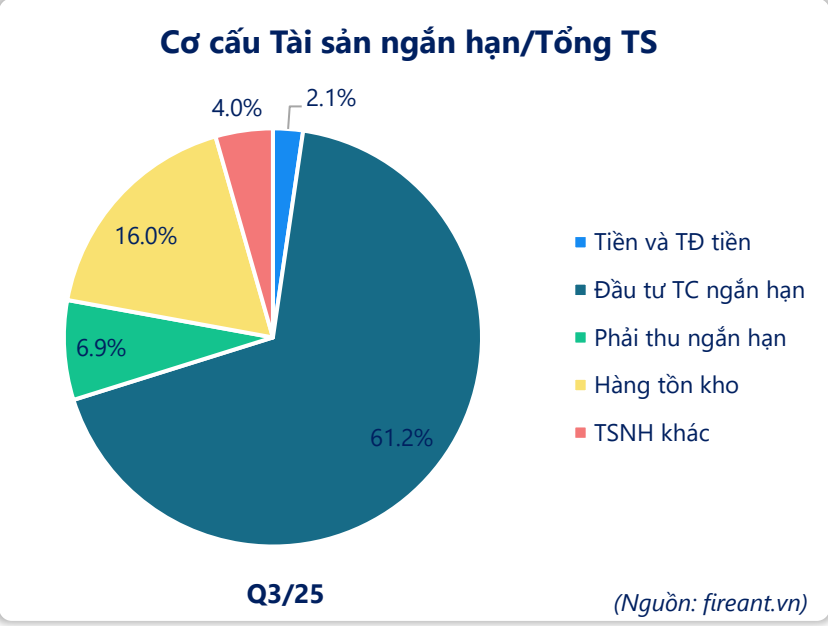
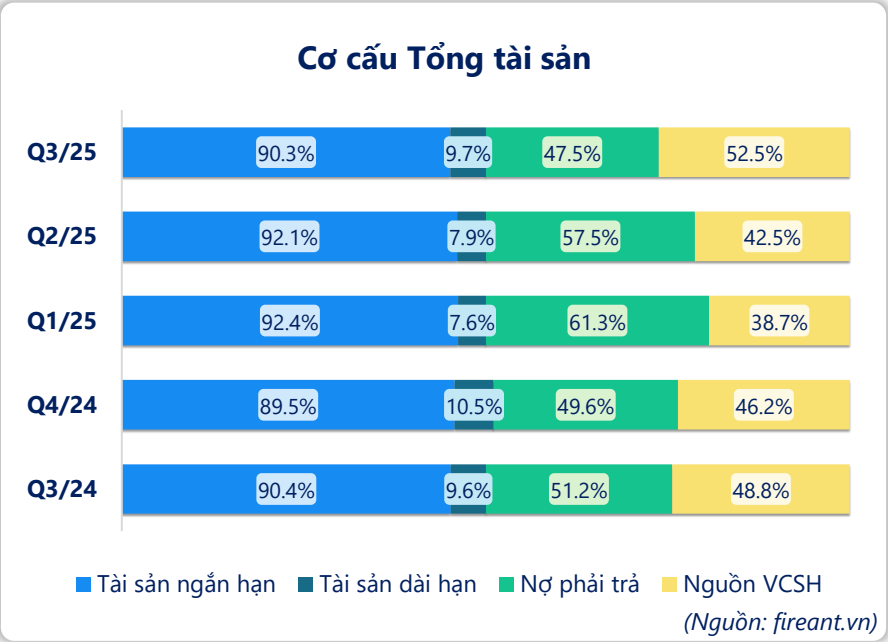
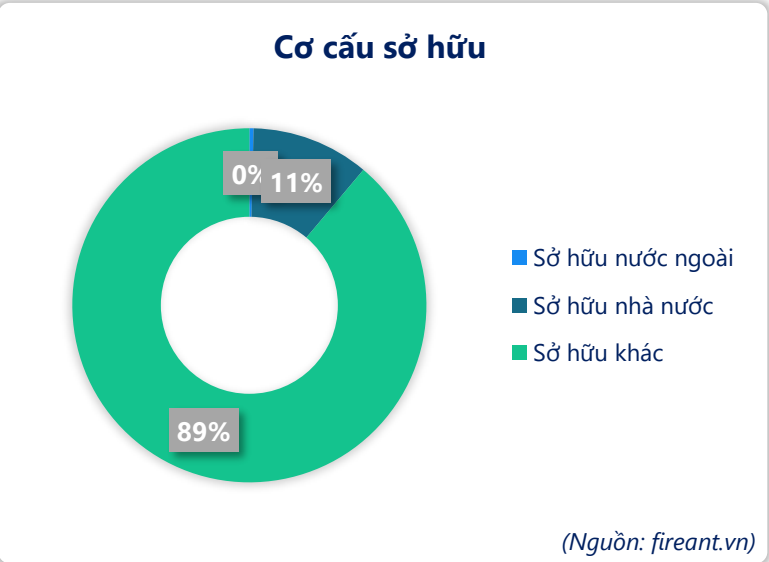
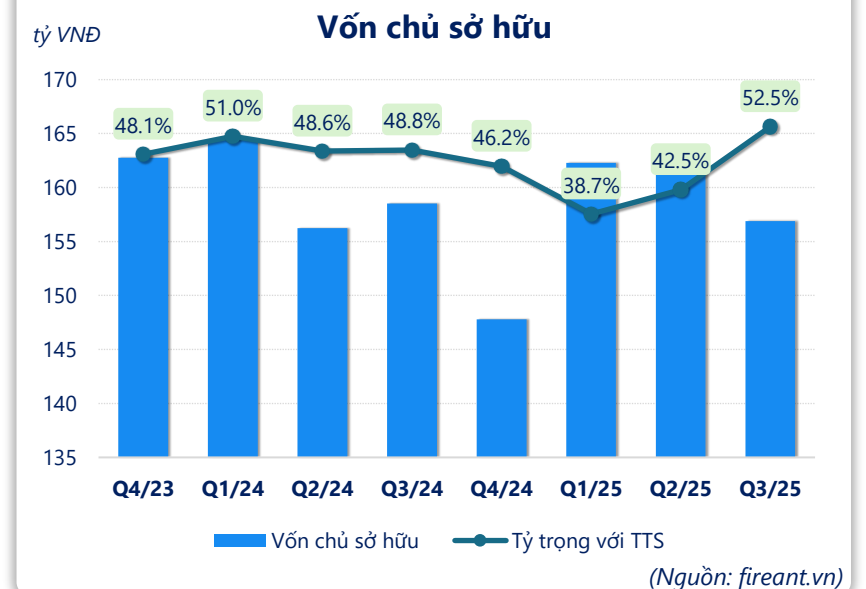
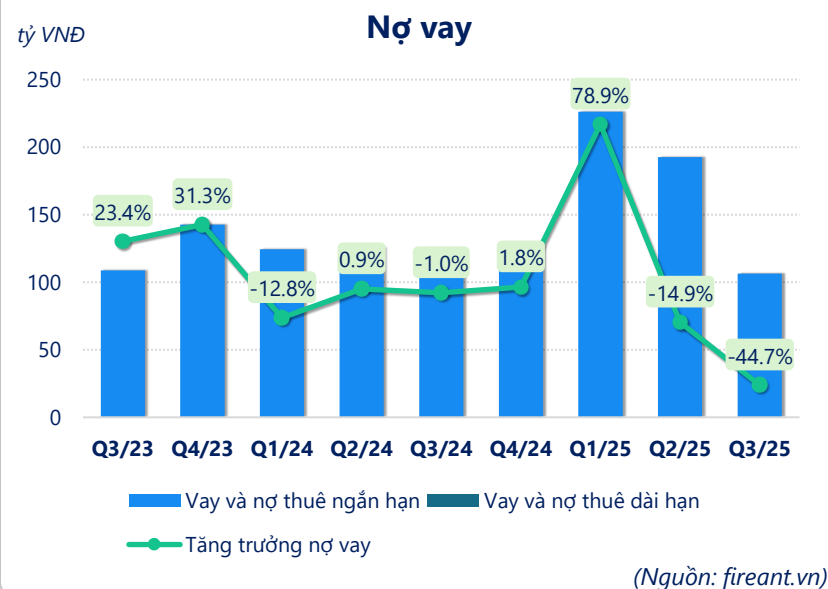
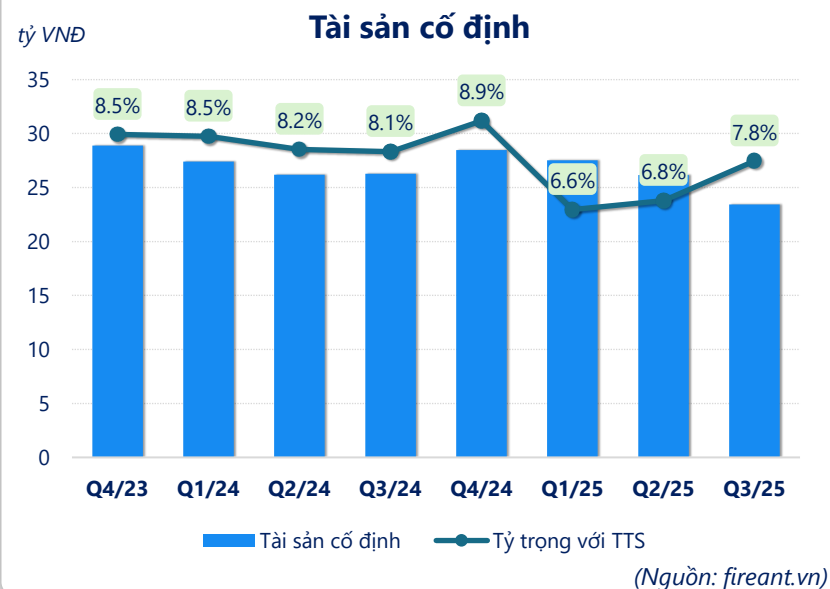
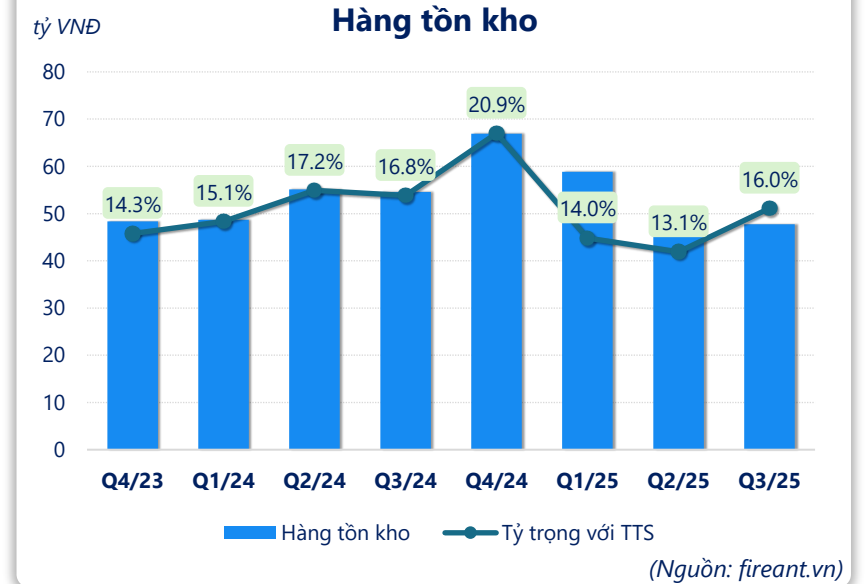
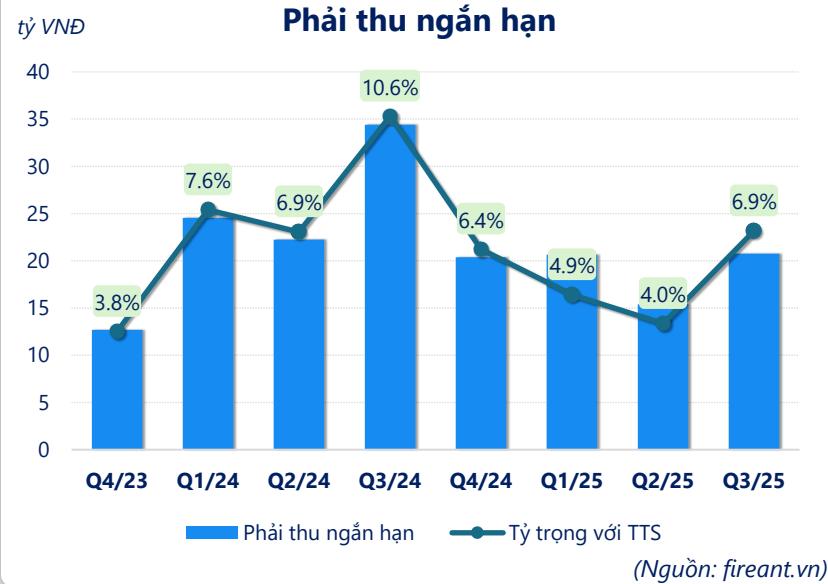
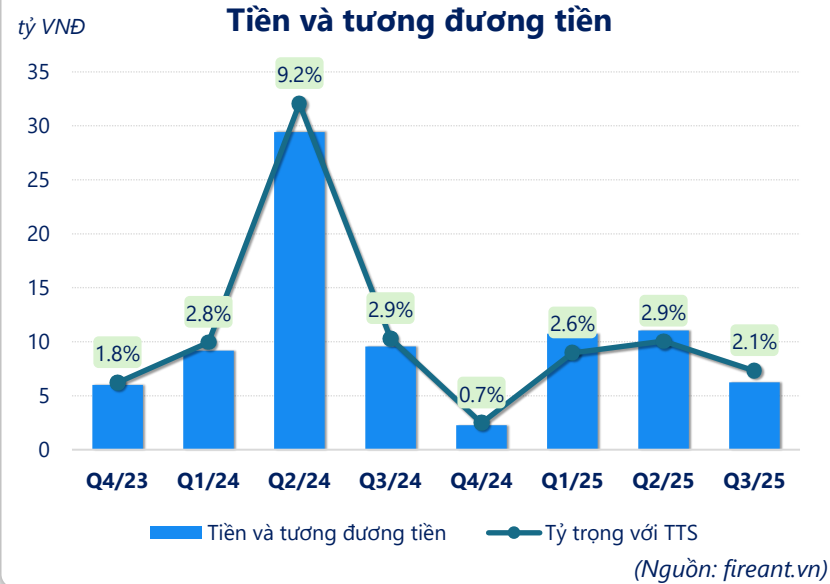
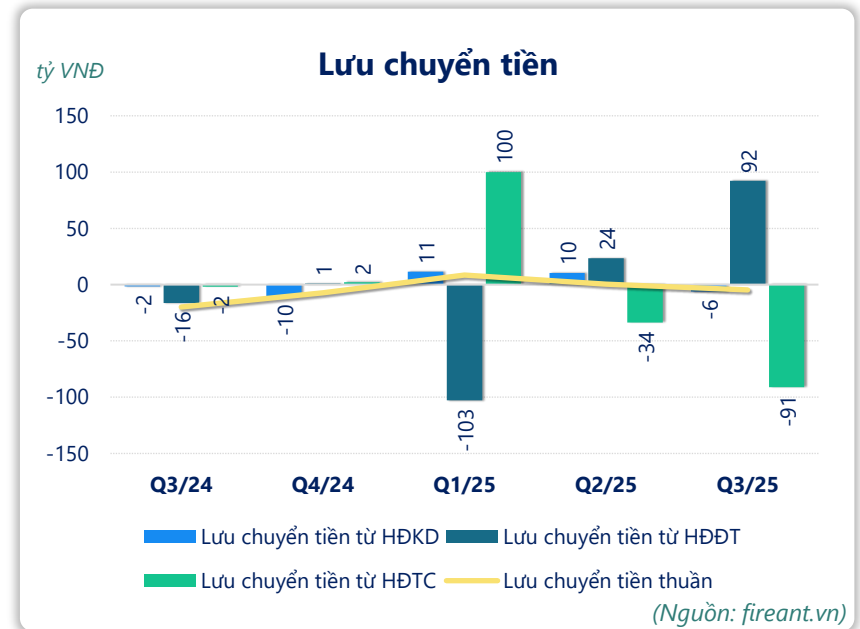
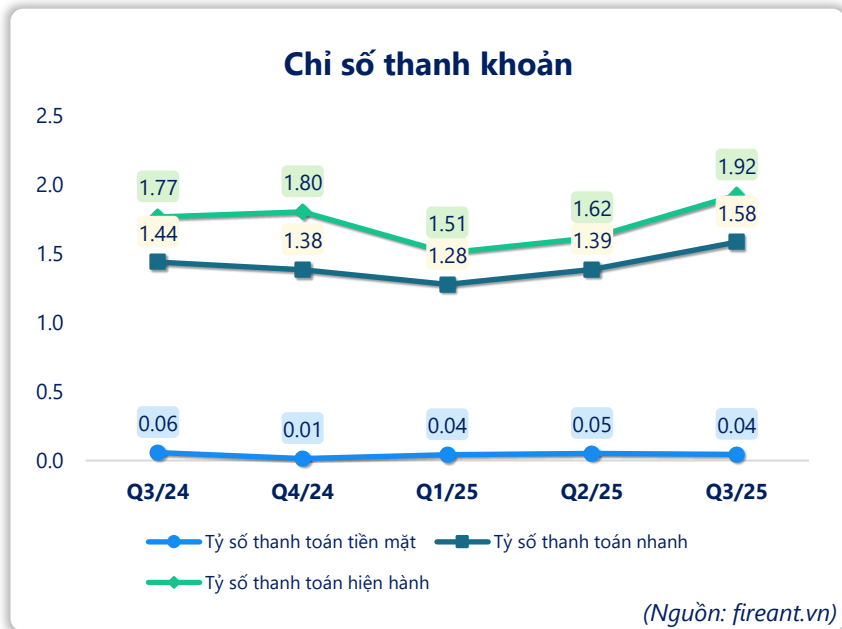
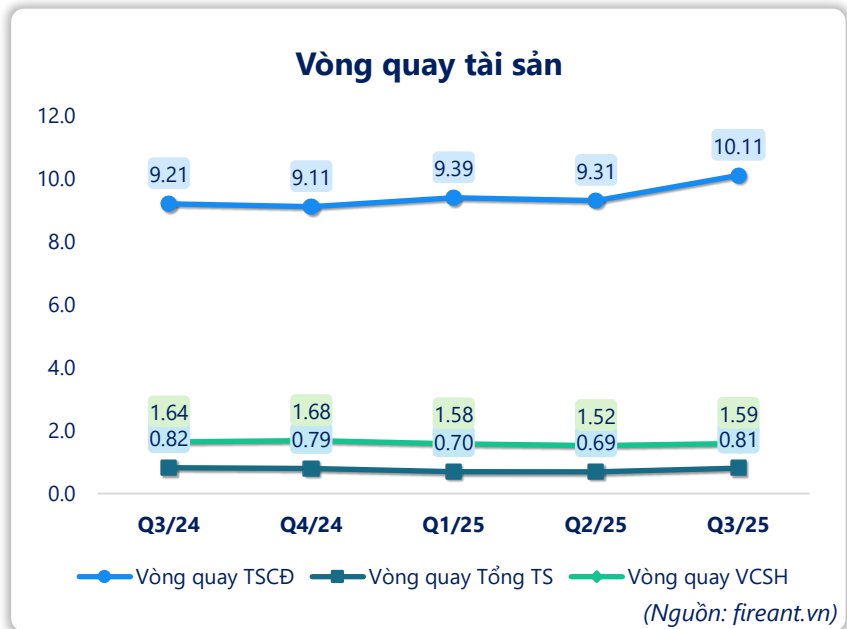
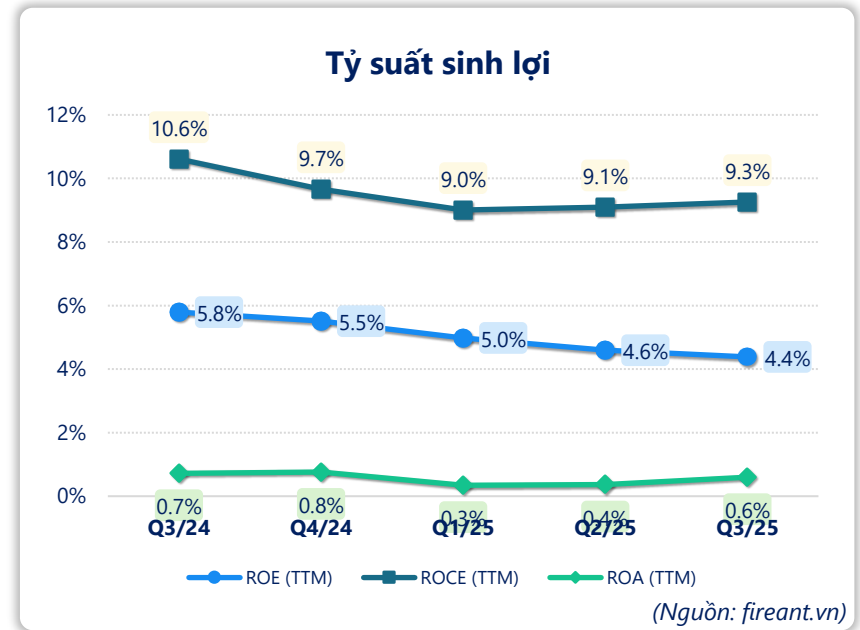
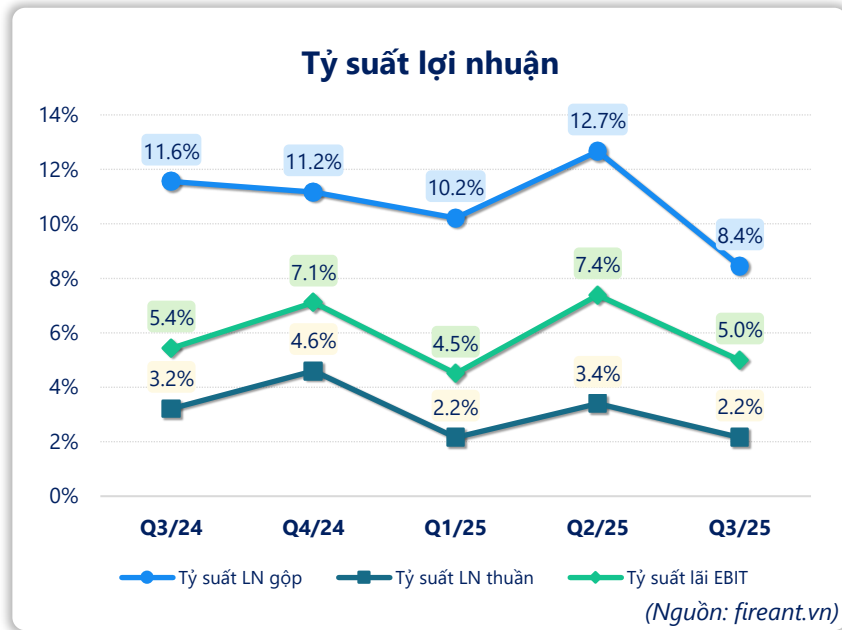
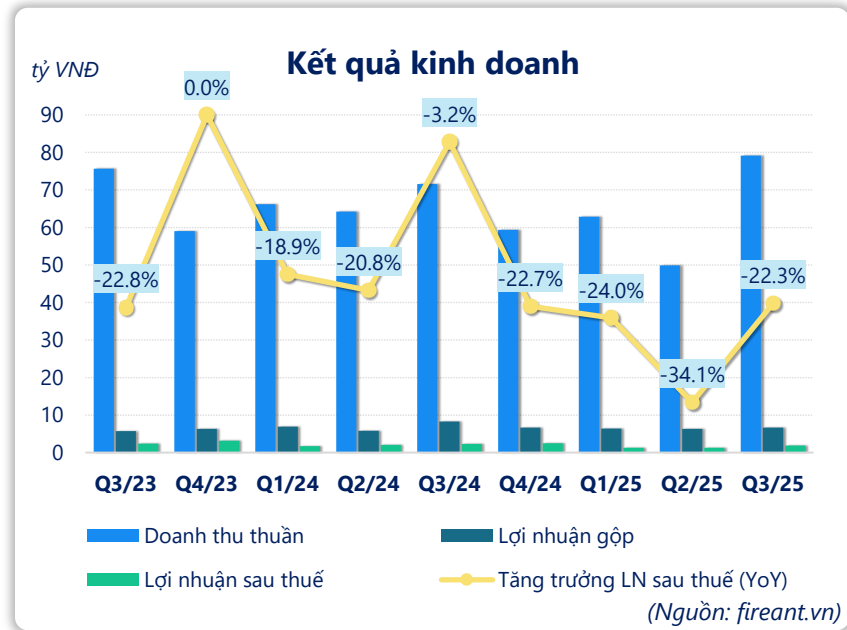


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,830
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		10,561
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,563
SL cổ phiếu LH		9,830,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,885
% sở hữu nước ngoài		0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		97
P/E		14.0
EPS		703

	YTD	1T	3T	6T
GTA	-0.7%	-0.7%	4.4%	-4.3%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	299	320	-6.5%
Tài sản ngắn hạn	270	286	-5.8%
Tiền và tương đương tiền	6.25	2.25	177%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	183	186	-1.8%
Phải thu ngắn hạn	20.8	20.4	1.9%
Hàng tồn kho	47.7	66.9	-28.7%
Tài sản ngắn hạn khác	11.9	10.4	14.4%
Tài sản dài hạn	29.1	33.4	-12.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	23.4	28.5	-17.7%
Bất động sản đầu tư	1.44	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	2.00	2.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	2.24	2.96	-24.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	142	159	-10.6%
Nợ ngắn hạn	140	159	-11.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	106	127	-15.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	12.9	13.5	-4.0%
Nợ dài hạn	1.80	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	157	148	6.2%
Vốn chủ sở hữu	157	148	6.2%
Vốn điều lệ	104	104	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	71.6	59.4	62.9	49.9	79.2
Giá vốn hàng bán	63.3	52.7	56.4	43.6	72.5
Lợi nhuận gộp	8.27	6.63	6.42	6.32	6.68
Doanh thu HĐTC	2.44	3.31	3.16	4.45	2.60
Chi phí TC	1.42	1.13	1.26	2.17	1.77
Chi phí lãi vay	1.03	1.09	1.21	2.05	1.65
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.29	1.74	2.13	1.82	1.94
Chi phí QLDN	4.70	4.34	4.83	5.08	3.85
LN thuần từ HĐKD	2.30	2.73	1.36	1.70	1.71
Lợi nhuận khác	0.56	0.40	0.26	-0.06	0.59
LN trước thuế	2.86	3.14	1.62	1.63	2.30
Lợi nhuận sau thuế	2.28	2.50	1.28	1.28	1.85
LNST của CĐ cty mẹ	2.28	2.50	1.28	1.28	1.85

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.58	-10.5	11.5	10.5	-6.03
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-16.4	1.10	-103	23.6	92.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.88	2.07	99.8	-33.8	-91.0
Tiền đầu kỳ	29.4	9.54	2.25	10.7	11.0
Lưu chuyển tiền thuần	-19.9	-7.29	8.50	0.30	-4.80
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0	0
Tiền cuối kỳ	9.54	2.25	10.7	11.0	6.25

(Nguồn: fireant.vn)